

LỊCH SỬ CỦA SÁNG CHẾ VÀ SỞ HỮU **TRÍ TUỆ**

NGUYỄN CHÍ THẮNG

Trung tâm Tin học và Thông tin KHCN Quảng Bình

Sẽ có ít người không nhất trí rằng khoa học công nghệ và nghệ thuật sáng tạo ngày nay định dạng cuộc sống hàng ngày của chúng ta. Những bước tiến lớn trong công nghệ thời xa xưa đã đưa loài người thoát ra khỏi hình thái xã hội phong kiến. Trong khoảng 100 năm gần đây, khả năng dẫn dắt của công nghệ đã trở thành một yếu tố quyết định tạo ra sự thịnh vượng và đã cung cấp nguồn năng lượng cho sự phát triển của các dân tộc.

Từ những nghi lễ xưa nhất, qua buổi đầu của nghệ thuật âm nhạc và múa, tục mai táng, tranh vẽ trên hang động, từ ngữ viết và trình diễn trên sân khấu đến sử dụng công nghệ hiện đại, chẳng hạn như đĩa hát, phim nhựa, phát sóng không dây, phần mềm và ghi kỹ thuật số, loài người đã tự nhận biết và khẳng định bản thân mình thông qua hoạt động sáng tạo và thể hiện văn hóa dưới hình thức những sáng tạo và biểu diễn nghệ thuật. Phần nhiều những sáng tạo này vẫn còn tồn tại và phát triển mạnh cho đến ngày nay dưới hình thức văn nghệ dân gian hoặc hình thức trí thức truyền thống khác. Âm nhạc, phim ảnh, sách, nghệ thuật và những hình thức sáng tạo hoặc thể hiện khác của thời đại ngày nay là biểu thị của sự tiến bộ xã hội và chất

lượng cuộc sống. Là tài sản cá nhân của những người sáng tạo ban đầu, các đối tượng đó được xã hội tôn vinh vì nhiều lý do (bao gồm vai trò kinh tế, chính trị và văn hóa của chúng), nhưng giá trị đặc biệt của chúng là chúng thể hiện sự tồn tại của các di sản do nỗ lực con người để lại.

Sở hữu trí tuệ là một khái niệm đã lâu đời. Luật Venice năm 1474 thường được nhắc đến như là sự tiếp cận có tính hệ thống đầu tiên đối với bảo hộ sáng chế dưới một hình thức của bằng độc quyền sáng chế, bởi vì đây là lần đầu tiên luật này đã quy định một loại độc quyền của một cá nhân mà độc quyền này hạn chế lợi ích của công chúng. Vào thế kỷ 16, dưới triều đại Tudor, nước Anh đã có một hệ thống bằng độc quyền sáng chế, Đạo luật về Đặc quyền năm 1642 là luật thành văn đầu tiên đã quy định việc cấp một đặc quyền cho sáng chế trong một khoảng thời gian có giới hạn.

Nửa sau của thế kỷ 18 là thời hoàng kim của thương mại và công nghiệp đối với nhiều nước và cũng là thời của sáng tạo nghệ thuật, đổi mới khoa học và cách mạng chính trị. Chính trong Thời Khai sáng này, một số nước đã thiết lập hệ thống bằng độc quyền sáng chế đầu tiên của họ. Ví dụ, luật về bằng độc quyền

sáng chế đầu tiên của Pháp, quy định về bảo hộ quyền của người sáng chế; đã được ban hành vào năm 1791, sau Cách mạng Pháp và Tuyên ngôn về quyền con người và quyền công dân. Ở Hoa Kỳ, năm 1788, Hiến pháp đã quy định rõ về bằng độc quyền sáng chế và sự bảo hộ đối với sáng chế thông qua việc cấp độc quyền cho người sáng chế.

Trong trường hợp quyền tác giả, chính sự lan rộng của máy in đã kích thích nhu cầu đối với luật quyền tác giả. Trong thiên niên kỷ đầu tiên, nhân bản sách là công việc nhằm chần và chậm chạp. Những người chép sách đã viết và sao chép sách bằng tay, trong đó một số có kỹ năng nghệ thuật hơn những người khác. Tác phẩm viết chỉ dành cho tầng lớp quan trọng trong xã hội. Tôn giáo có tổ chức là lực lượng chính thúc đẩy việc bảo tồn tri thức thông qua sách cũng như làm tăng nhanh số lượng bản sao sách. Sáng chế về con chữ rời và máy in của Johannes Gutenberg vào khoảng năm 1440 là một trong các sự kiện lịch sử đã góp phần cho ra đời luật quyền tác giả đầu tiên trên thế giới⁽¹⁾. Giống như trong bảo hộ sáng chế, cũng chính Venice đã cung cấp cho John of Speyer, nhà in đầu tiên, độc quyền “in chữ” vào năm 1469⁽²⁾.

Với việc sáng chế của Gutenberg có thể sẵn sàng sử dụng được ở khắp Tây Âu vào nửa sau thế kỷ 15; Giáo hội Thiên chúa giáo Lamã đã bắt đầu cầm sách do những nhà cải cách viết và đặc quyền về in ấn đã xuất hiện tại Anh và Pháp. Trong thế kỷ thứ 16, đặc quyền dành cho nhà in vẫn tiếp tục được duy trì nhằm bảo hộ lợi nhuận của nhà in và cho phép kiểm soát việc in ấn. Năm 1710, Đạo luật Anne đã được Quốc hội Anh ban hành. Đạo luật đã giảm bớt một chút sự kiểm soát đối với nhà xuất bản trong in

ấn và cũng đã thừa nhận quyền của tác giả; cho họ hoặc người thừa kế của họ độc quyền in lại sách trong vòng 14 năm, kể từ khi sách được in lần đầu. Được gọi tên là một “đạo luật khuyến học”, Đạo luật Anne là một trong những nguồn tham khảo về bảo hộ sở hữu trí tuệ trong Hiến pháp Hoa kỳ. Ngay trong giai đoạn ban đầu này, sự phát triển của luật về bằng độc quyền sáng chế và quyền tác giả cũng đã phản ánh sự thăng trầm của nền kinh tế. Tiếp theo sự lu mờ của Venice sau năm 1600, đã có một sự chuyển hướng trong tiến bộ kinh tế từ miền Nam tới Tây Bắc châu Âu. Trước 1800, mặc dù có thể nhận thấy được thông qua những ví dụ về sự tập trung hóa trong công nghiệp ở nhiều nước châu Âu, nhưng sự tăng trưởng sản xuất phần lớn vẫn là vấn đề mở rộng sản xuất thủ công có quy mô nhỏ thay vì các phương pháp và tổ chức mới có tính cấp tiến. Tuy nhiên, trong khoảng 1750 - 1870, châu Âu đã trải qua sự thay đổi lớn bắt nguồn từ sự phát triển đô thị, xây dựng đường sắt, đầu tư vốn, phát triển kinh tế xuyên đại dương... bên cạnh những hoạt động khác. Tới thế kỷ 19, các yếu tố nói trên đã dẫn đến công cuộc công nghiệp hóa có quy mô lớn dựa trên các ý tưởng mới về công nghiệp hóa, sự xuất hiện của những chính phủ tập trung hóa và chủ nghĩa dân tộc ở mức độ mạnh mẽ hơn. Sự phát triển nói trên đã dẫn đến việc nhiều nước thiết lập hệ thống pháp luật hiện đại đầu tiên của mình về bằng độc quyền sáng chế và quyền tác giả (ví dụ: Ở Đức, luật Liên bang đầu tiên về bằng độc quyền sáng chế được ban hành năm 1877. Pháp đã hiện đại hoá luật năm 1791 của mình vào năm 1844. Ngoài ra, nhiều nước khác đã đưa vào áp dụng luật hiện đại về bằng độc quyền sáng chế trong thế kỷ 19 như: Italia

(1859), Ác-hen-ti-na (1864), Tây Ban Nha (1878), Baraxin (1882), Thụy Điển (1884), Ca-na-đa (1886), Ấn Độ và Nhật Bản (1888), Mê-hi-co (1890), Bồ Đào Nha và Nam Phi (1896)...

Tuy vậy, sự phát triển của khái niệm pháp luật SHTT hiện đại không phải lúc nào cũng

đơn giản. Trong thế kỷ 19, những trào lưu tự do mậu dịch đòi hủy bỏ hệ thống bằng độc quyền sáng chế đã nhận được sự ủng hộ rộng rãi. Nhưng làn sóng mạnh mẽ của chủ nghĩa dân tộc đặc trưng cho thời kỳ đó dường như đã đóng một vai trò quan trọng trong việc ủng hộ đưa vào áp dụng và duy trì luật sở hữu trí tuệ

NHỮNG SÁNG CHẾ LỚN ĐÃ LÀM THAY ĐỔI TIẾN TRÌNH VẬN ĐỘNG CỦA NHÂN LOẠI

Tên	Nước	Sáng chế	Mô tả
Johannes Gutenberg	Đức	Máy in	Vào khoảng 1440, Gutenberg phát triển con chữ rời đầu tiên. Những miếng kim loại được chế tạo riêng cho từng chữ cái có thể sử dụng nhiều lần để in ấn các bản sao của nhiều cuốn sách.
Conrad Gesner	Thụy sỹ	Bút chì	Vào khoảng 1560, Gesner nghĩ ra ý tưởng bọc một mẫu than (lấy từ tiếng Hy Lạp graphein có nghĩa là viết) bằng gỗ làm dụng cụ viết.
Maharaja Jai Singh	Ấn Độ	Dụng cụ thiên văn	Năm 1728, Jai-sigh một học giả (Ông đã đọc các tác phẩm của các nhà thiên văn Ptolemy, Euclid và Persian cũng như các nhà toán học Ả-rập) đã xây dựng 5 đài quan sát thiên văn ở Delhi, Jaipur, Varanasi, Ujjain và Mathura. Các dụng cụ thiên văn ở các đài quan sát vẫn còn hoạt động này đo đạc chính xác thời gian và vị trí của mặt trời và các vì sao.
Samuel Morse	Hoa Kỳ	Mã điện tín	Morse Morse đã phát triển ra điện tín cũng như chữ cái điện tử. Năm 1840, ông đã nộp đơn yêu cầu cấp bằng độc quyền cho sáng chế của mình.
Alfred Nobel	Thụy Điển	Thuốc nổ	Năm 1863, Nobel đã phát triển sáng chế quan trọng đầu tiên của mình là Thuốc nổ. Đây là sáng chế cho phép làm nổ nitroglycerin bằng va chạm mạnh.
Alexander G. Bell	Vương quốc Anh	Điện thoại	Năm 1876, Bell nhận bằng độc quyền sáng chế cho “phương pháp và thiết bị truyền tiếng nói hoặc âm thanh khác dưới hình thức điện tín bằng cách gây sóng điện” của mình. Công việc sáng chế của Bell được thưởng công bằng 18 bằng độc quyền sáng chế mang tên ông, 12 bằng chung tên với đồng nghiệp của ông.

Guglielmo Marconi	Italia	Radio	Sáng chế bao gồm một cơ cấu làm cho Marconi sóng điện từ lan truyền trong không khí, trong khi vẫn giữ được đặc trưng của nó. Năm 1886, Marconi đã nộp đơn yêu cầu cấp bằng độc quyền cho sáng chế của mình.
Orville và Wilbur Wright	Hoa Kỳ	Máy bay	Năm 1903, anh em nhà Wright Kitty Wilbur Wright đã sáng chế ra máy bay đầu tiên của họ tại Hawk, Bắc Carolina.
Vladimir K. Zworykin	Liên bang Nga	Truyền hình điện tử	Năm 1929, Zworykin đã sáng chế ra Zwortkin điện tử ống tia ca-tốt cần thiết cho truyền hình.
Ladislao Biro	Ác-hen-ti-na/Hungary	Bút bi	Năm 1938, Biro nhận được bằng độc quyền sáng chế cho cây bút có một hòn bi nhỏ ở đầu. Khi bút chuyển động trên giấy, hòn bi xoay chuyển lấy mực từ bầu đựng và để mực lại trên giấy.
Konrad Zuse	Đức	Máy tính có thể lập trình	Zuse được coi là nhà sáng chế của một máy có thể lập trình tính hiện đại (điện cơ nhị phân), nhờ mô hình Z1 của ông hoàn thành vào năm 1941.
Gertrude Elion	Hoa Kỳ	Dược phẩm hệ thống dịch Ung thư và AIDS	Gertrude Elion, con gái của gia đình nhập cư hệ thống người Litunia và Ba-Lan, là nhà hóa học đã miễn dịch nghiên cứu hệ thống miễn dịch ở người và chống ung trong công trình của mình tại Glaxo-Wellcome năm 1956; đã phát triển dược phẩm "mục đích riêng" để phong tỏa tế bào ung thư. Năm 1998, cô nhận Giải thưởng Nobel về hóa học.
James Russell	Hoa Kỳ	Đĩa Compact	Năm 1965, Rusell đã phát triển một hệ thống ghi, lưu trữ và phát lại âm nhạc sử dụng ánh sáng (và công nghệ la-de) thay vì tiếp xúc. Ruseell đã nhận 22 bằng độc quyền sáng chế cho hệ thống của mình.

N.C.T

Nguồn bài: Sở hữu trí tuệ - Một công cụ đắc lực để phát triển kinh tế (Kamil Ldris)

1: Gutenberg được uy thác in cuốn sách in cổ nhất hiện còn giữ được của thế giới phương Tây, cuốn kinh thánh Gutenberg, Mỗi trang có 42 dòng và đôi khi nó được biết đến dưới tên gọi Kinh thánh 42 dòng hoặc Kinh thánh Mazzarin. Ông cũng đã chế tạo một bộ phông chữ với hơn 300 ký tự và một bộ khuôn với chiều rộng thay đổi được để nhận hỗn hợp do ông chế gồm chì, ăng-ti-moan và kẽm đã được sử dụng trong các xưởng in ở thế kỷ vừa qua.

2: In chữ là làm ra nhiều bản sao của một tài liệu bằng phương pháp in. John Speyer đã thiết kế loại-ký tự La mã đầu tiên, ông được cấp một bằng độc quyền sáng chế về thiết kế đó và bằng đã hết hiệu lực khi ông chết vào năm 1470.